

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 7 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoà

2. Bà Bùi Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chín - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Phương Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc L, sinh năm 2004; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường S, tỉnh Quảng Ngãi;

Bị đơn: Anh Trần Ngọc H, sinh năm 2001; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường S, tỉnh Quảng Ngãi;

Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/02/2025 và quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc L trình bày:

Ngày 19/5/2023 chị và anh Trần Ngọc H tự nguyện đăng ký kết hôn

tại UBND xã P, thị xã Đ (nay là Phường S, tỉnh Quảng Ngãi). Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã; vợ chồng không còn tình cảm và sống ly thân từ tháng 8/2024 đến nay. Chị L xác định không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung với anh H nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên là Trần Ngọc Mai P - sinh ngày 25/7/2023 hiện sống với cha. Chị L đồng ý giao con cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Ngọc H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Ngọc L đăng kết hôn vào ngày 19/5/2023 tại UBND xã P, thị xã Đ (nay là Phường S, tỉnh Quảng Ngãi). Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã; vợ chồng mâu thuẫn kéo dài nhưng không có hướng khắc phục, vợ chồng không còn sống chung; tình cảm không còn. Do đó chị L yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Ngọc Mai P - sinh ngày 25/7/2023, hiện nay con đang ở với anh; nếu vợ chồng ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung; không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị L được ly hôn anh Trần Ngọc H; giao con chung cho anh H nuôi dưỡng, giáo dục, anh H không yêu cầu nên chị L không phải cấp dưỡng cho con; chị L, anh H không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên đề nghị không xem xét; chị L, anh H khai không có nợ chung nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Trần Ngọc H ở phường S, tỉnh Quảng Ngãi nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 85/2025/UBTVQH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Quảng Ngãi.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc L và anh Trần Ngọc H tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 19/5/2023 tại UBND xã P, thị xã Đ (nay là Phường S, tỉnh Quảng Ngãi); do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H là hoàn toàn hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã; mâu thuẫn kéo dài nhưng không có hướng khắc phục, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị L và anh H đã sống ly thân và cả hai bên đều không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng về sống đoàn tụ nhưng anh H không tham gia. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh H đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cho chị L được ly hôn anh H.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị L, anh H có 01 con chung tên là Trần Ngọc Mai P - sinh ngày 25/7/2023, hiện nay con đang ở với cha; anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn; không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con. Chị L đồng ý giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; anh H không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Chị L, anh H không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

[6] Về nợ chung: Chị L, anh H khai không có nên Tòa không xét.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Ngọc L được ly hôn anh Trần Ngọc H.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Trần Ngọc Mai P - sinh ngày 25/7/2023 cho anh Trần Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đối với con chung mà không ai được cản trở

Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình

3. Về tài sản chung: Chị L, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị L, anh H khai không có nên không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0004781 ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Quảng Ngãi).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 6-Quảng Ngãi;

- Phòng THADS khu vực 6-Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- UBND phường Trà Câu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Minh Trung

